

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-PT
Ngày: 15-5-2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và chia tài sản chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu

Ông Võ Việt Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng Hương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Phương Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 8 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 và Thông báo 02/TB-TA ngày 04/5/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị D, sinh năm 1925

Người đại diện hợp pháp: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1957; là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/5/2018).

Cùng địa chỉ cư trú: thôn KN, xã HT, huyện HTB, tỉnh BT.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh BT.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị N, sinh năm 1955

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Ngọc Y, sinh năm 1976; là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/3/2020).

Cùng địa chỉ cư trú: thôn KN, xã HT, huyện HTB, tỉnh BT.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Văn Đ – Luật sư Công ty luật TNHH MTV BT thuộc Đoàn luật sư tỉnh BT.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Ngọc Y, sinh năm 1976
2. Bà Hồ Thị T, sinh năm 1957

Cùng địa chỉ cư trú: thôn KN, xã HT, huyện HTB, tỉnh BT.

Các đương sự có mặt bà D, bà T và ông Y; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự có mặt luật sư Đ, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/4/2018, đơn đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 07/6/2018, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị D - Do bà Hồ Thị T là người đại diện theo ủy quyền của bà D trình bày: Bà với bà N là chị em ruột với nhau cùng là con của bà D. Trước khi giải phóng, ba mẹ bà D để lại cho bà D 01 thửa đất diện tích gần 4.200m² tọa lạc tại xóm 5, thôn KN, xã HT, huyện HTB, tỉnh BT, trên đất có 01 ngôi nhà vách đất. Diện tích này bà D đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số N 745228 ngày 31/12/1998. Vào năm 2014, bà N và ông Y lợi dụng bà D không biết chữ, nên đã đưa bà D đi làm giấy tờ chuyển sang tên bà N diện tích gần 2.300m², trên đất có xây dựng một căn nhà cấp 4 cách đây khoảng 30 năm thuộc diện tích 4.200m², phần diện tích còn lại bà D yêu cầu bà N đi làm giấy tờ cho bà D, sau một thời gian bà N đưa cho bà D 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 364879 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 12/8/2015 đứng tên hộ bà Hồ Thị D, sau đó thì bà N đầu tư trồng thanh long trên một phần diện tích này, số còn lại bà T đang sử dụng. Việc trước đây bà D để cho các con canh tác là tạo điều kiện cho con phát triển kinh tế, chứ không phân chia gì đối với phần tài sản của bà D, mà bà N đã lừa bà D để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, vào năm 1995, nhà nước cấp theo bình quân nhân khẩu diện tích 1.500m² đất lúa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B740748 đứng tên Hồ Thị N (khi chia theo bình quân nhân khẩu bao gồm bà D, bà N, ông Y), nhưng bà N, ông Y cũng chiếm lấy hết phần ruộng này.

Nay bà D yêu cầu bà N, ông Y phải nhả hết số trụ thanh long đã trồng trên diện tích 928m² thuộc thửa đất 385, tờ bản đồ 12, diện tích đo đạc hiện trạng là 1.693,0m² và làm thủ tục chuyển trả lại cho cá nhân bà D; Chia cho bà Hồ Thị D 500 m² diện tích đất ruộng thuộc thửa ruộng số 89B, trong tổng diện tích đo đạc hiện trạng là 1.569,4m² (tọa lạc tại xóm 5, thôn Kim Ngọc, xã Hàm Thắng, huyện

Hàm Thuận Bắc), tại phiên tòa sơ thẩm, bà D và bà T yêu cầu được nhận bằng tiền, không nhận đất; Buộc bà Hồ Thị N, ông Y phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Hồ Thị D phần công tham gia đóng góp 40% tổng giá trị ngôi nhà, phần đóng góp này bà D có nguyện vọng được nhận bằng tiền, giao nhà cho bà N, ông Y tiếp tục quản lý sử dụng. Ngoài ra, bà D không yêu cầu gì thêm.

Tại bản khai cũng như trong quá trình giải quyết bị đơn bà Hồ Thị N trình bày: Bà công nhận diện tích gần 4.200m² đất có nguồn gốc là của ông bà ngoại để lại cho mẹ bà là bà Hồ Thị D. Còn cha bà chết khi bà còn quá nhỏ, bà không nhớ gì. Từ ngày sinh ra cho đến tháng 10/2017 thì bà chỉ ở với mẹ (kể cả thời gian bà có gia đình thì cũng ở chung với mẹ bà, bà với chồng sống chung được 01 năm thì bỏ nhau cho đến nay). Diện tích 4.200m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mẹ bà vào năm 1998. Đến năm 2014 thì mẹ bà đồng ý cho bà tổng cộng diện tích 2.213,9m² (Diện tích đất này bao gồm nhiều thửa) thuộc diện tích 4.200m² đất trên, nên đã làm thủ tục tặng cho bà đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 289670; BO 664080 đứng tên bà Hồ Thị N (theo hợp đồng tặng cho), chứ không có sự lừa dối gì ở đây. Nay bà D yêu cầu nhỏ hết số trụ thanh long đã trồng trên thửa đất số 385, tờ bản đồ số 12, giao trả diện tích qua đo đạc hiện trạng 928m² và làm thủ tục chuyển trả cho bà D đứng tên thửa đất số 385, tờ bản đồ số 12, diện tích đo đạc hiện trạng 1.693m² thì bà không đồng ý, vì diện tích đất này là nhà nước cấp cho hộ bao gồm bà D, bà và ông Y con trai bà, nên nếu chia diện tích 1.693,0m² thì chia thành 3 phần bằng nhau cho bà, bà D, Y; Đối với yêu cầu chia cho bà Hồ Thị D 500m² diện tích đất ruộng thuộc thửa ruộng số 89B, trong tổng diện tích đo đạc hiện trạng là 1.569,4m² thì đất này nhà nước chia bình quân nhân khẩu, bà đồng ý chia cho mẹ phần mẹ được hưởng trong số diện tích đó; Đối với yêu cầu hoàn trả cho bà Hồ Thị D phần công tham gia đóng góp 40% tổng giá trị ngôi nhà thì bà không đồng ý vì nhà này là công sức của bà với con trai bà xây dựng, chứ không có công sức gì của bà D, nếu bà D muốn về ở thì ở chứ bà không đồng ý chia phần nào cho bà D.

Tại bản khai cũng như trong quá trình giải quyết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc Y trình bày: Ông là con trai của bà N, là cháu ngoại của bà D. Từ trước đến nay thì ông ở chung với mẹ và bà ngoại ông từ nhỏ. Ông cũng được biết diện tích gần 4.200m² là của cố ngoại để lại cho bà ngoại. Bà ngoại ở chung với mẹ ông từ trước đến nay. Đến năm 2014 thì bà ngoại đồng ý tặng cho mẹ ông tổng cộng diện tích 2.213,9m² (Diện tích đất này bao gồm nhiều thửa) thuộc 4.200m² đất trên, nên đã làm thủ tục tặng cho mẹ ông đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng. Ông là người trực tiếp đưa bà D đi làm thủ tục sang tên đối với diện tích trên và đứng tên mẹ ông. Diện tích đất này từ trước đến nay do mẹ con ông canh tác sử dụng ở cùng với bà D. Đến tháng 10/2017 không hiểu vì lý do gì bà D tự bỏ đi, không về lại nhà rồi đưa đơn khởi kiện mẹ ông. Đối với yêu cầu của bà D thì ông không đồng ý. Đối với thửa đất 385, tờ bản đồ 12, diện tích đo đạc

hiện trạng là 1.693,0m² vì diện tích đất này cấp cho hộ gia đình nên chia thành 3 phần bao gồm bà ngoại, mẹ và ông chứ ông không đồng ý giao trả toàn bộ diện tích đất này cho bà D; đối với diện tích theo đo đạc hiện trạng là 1.569,4m² đất ruộng tọa lạc tại xóm 5, thôn Kim Ngọc, xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc thì ông cũng đồng ý chia phần cho bà D; Đối với ngôi nhà cấp 4 thì ông không đồng ý chia vì nhà này là do mẹ con ông xây dựng chứ không phải của bà D, nếu bà muốn về ở thì ở chứ không chia phần trong ngôi nhà cho bà. Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

Tại bản khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị T trình bày: Bà thống nhất theo lời khai của mẹ bà là Hồ Thị D. Sau khi bà D làm Hợp đồng tặng cho bà N một số diện tích đất và nhà thì bà D có tạo điều kiện cho bà canh tác một số diện tích đất 765m² thuộc thửa số 385 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 364879 đứng tên hộ bà Hồ Thị D. Hiện nay, bà vẫn đang canh tác, nhưng số diện tích đất này về mặt pháp lý thì của mẹ bà, chứ không phải của bà và bà đồng ý với yêu cầu của bà D là yêu cầu bà N, ông Y phải giao trả số diện tích 928m² thuộc thửa đất 385 diện tích đo đạc hiện trạng 1.693m² cho bà D. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 9, khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 207, 208, 209, 212, 217, 219 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 95, Điều 99, Điều 100, Điều 166, khoản 1 Điều 179, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị D – Do bà Hồ Thị T đại diện theo ủy quyền.

- Xác định thửa đất số 385, diện tích đo đạc hiện trạng 1.693m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 364879 cấp ngày 12/8/2015 là của cá nhân bà Hồ Thị D.

Buộc bà Hồ Thị N, ông Huỳnh Ngọc Y phải có nghĩa vụ tháo dỡ 140 trụ xi măng dùng để trồng thanh long, giao trả cho Hồ Thị D số diện tích đất 928m² thuộc thửa đất số 385 diện tích đo đạc hiện trạng 1.693m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 364879 cấp ngày 12/8/2015 đứng tên hộ bà Hồ Thị D. Trị giá là 111.360.000đ.

Vị trí khu đất có tứ cận: Đông giáp: Đất ông Trương Văn Thắng; Tây giáp: Đất bà Hồ Thị D; Nam giáp: Đất bà Hồ Thị N; Bắc giáp: Nhà thờ nước trời.

(Có trích lục bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 28/6/2018 kèm theo).

- Chia cho bà Hồ Thị D 500m² đất ruộng trị giá là 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Giao cho Bà Hồ Thị N, ông Huỳnh Ngọc Y được quyền tiếp tục sử dụng thửa đất ruộng số 89b (diện tích qua đo đạc hiện trạng 1.569m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 740748 cấp ngày 23/3/1995 đứng tên Hồ Thị N.

Bà Hồ Thị N, ông Huỳnh Ngọc Y mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hồ Thị D với số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*).

- Chia bà Hồ Thị D số tiền 60.156.700đồng (*Sáu mươi triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, bảy trăm đồng*) giá trị xây dựng 1/3 ngôi nhà.

Giao cho bà Hồ Thị N và ông Huỳnh Ngọc Y được quyền tiếp tục sở hữu ngôi nhà cấp 4 gồm nhà trước và nhà sau có diện tích 83m² thuộc thửa đất 408, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 664080 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc ngày 05/7/2013 đã tặng cho bà Hồ Thị N theo hồ sơ số 23104.003 155. TA- VP ngày 10/7/2014.

Bà Hồ Thị N, ông Huỳnh Ngọc Y mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hồ Thị D với số tiền 30.078.350đồng (*Ba mươi triệu, không trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi đồng*).

Bà Hồ Thị D, bà Hồ Thị N, ông Huỳnh Ngọc Y có nghĩa vụ đăng ký biến động, điều chỉnh sang tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị D, về việc yêu cầu bà Hồ Thị N, ông Huỳnh Ngọc Y phải tháo dỡ số trụ thanh long và cây ăn trái trên thửa đất có diện tích 2.213,9m² hoàn trả lại cho bà D cùng với ngôi nhà.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/7/2019, bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần yêu cầu tuyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 364879 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 12/8/2015 là cấp cho cá nhân bà Hồ Thị D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của người kháng cáo bị đơn Hồ Thị N là ông Huỳnh Ngọc Y giữ nguyên kháng cáo của bà N.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, vì thửa đất số 385 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 364879 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 12/8/2015 là do nhà nước cấp cho hộ gia đình bà Hồ Thị N gồm bà N và con bà N là ông Huỳnh Ngọc Y, không có bà Hồ Thị D do thời điểm cấp bà D đã 74 tuổi, không còn tuổi lao động.

- Người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo bà Hồ Thị N, người đại diện hợp pháp của bà N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N thì thửa đất số 385, tờ bản đồ số 12, có diện tích 1.942,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 364879 cấp ngày 12/8/2015 (được đo đạc thực tế là 1.693m²), trước đây là thửa đất số 514, thuộc tờ bản đồ số 2, có diện tích 1.864m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 745228 cấp ngày 31/12/1998, có nguồn gốc là của ông bà ngoại của bà N (tức cha mẹ bà Hồ Thị D) để lại, nhưng nhà nước đã cấp lại cho hộ gia đình bà chỉ gồm 02 nhân khẩu là bà và con của bà là ông Huỳnh Ngọc Y, không có bà Hồ Thị D, vì lúc đó bà D đã 74 tuổi, không còn tuổi lao động nên không được cấp. Do đó, bà không đồng ý giao trả thửa đất này cho bà Hồ Thị D.

[2] Người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Hồ Thị D cho rằng thửa đất này có nguồn gốc là do cha mẹ bà Hồ Thị D để lại cho bà D, chứ không phải do Nhà nước cấp cho hộ gia đình như ý kiến của bà Hồ Thị N.

[3] Xét kháng cáo của bà Hồ Thị N, ý kiến của các bên đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, tất cả các bên đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 385, tờ bản đồ số 12, có diện tích 1.942,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 364879 cấp ngày 12/8/2015 (được đo đạc thực tế là 1.693m²), trước đây là thửa đất số 514,

thuộc tờ bản đồ số 2, có diện tích 1.864m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 745228 cấp ngày 31/12/1998, là do cha mẹ bà Hồ Thị D để lại.

[3.2] Thừa nhận này của các đương sự cũng phù hợp với ý kiến của cơ quan quản lý đất đai tại địa phương là UBND xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc tại Công văn số 538/UBND-NC ngày 18/9/2018: “*Nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất 385, diện tích 1.942,6 m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 364879 cấp ngày 12/8/2015 đứng tên hộ bà Hồ Thị D có nguồn gốc là đất cũ của gia đình bà D. Sau năm 1975, hộ bà D sử dụng ổn định cho đến nay. Diện tích đất này không phải diện tích đất do HTX quản lý chia bình quân nhân khẩu hoặc giao đất cho hộ bà D.*”

[3.3] Mặt khác, trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 745228 do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 31/12/1998 mang tên bà Hồ Thị D, bà D đã làm thủ tục tặng cho bà Hồ Thị N các thửa đất số 516, 518, 519 có tổng diện tích 1.366m², các thửa đất này cũng có nguồn gốc do cha mẹ bà D để lại như thửa số 385 đang tranh chấp; Hợp đồng này được UBND xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc chứng thực ngày 21/7/2014. Sau đó, bà Hồ Thị N đã được UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với các thửa đất được tặng cho này và bà Hồ Thị D được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới số BX 364879 ngày 12/8/2015 đối với thửa 385. Như vậy, thông qua hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất này, bà Hồ Thị N đã gián tiếp thừa nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với các thửa đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 745228 do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 31/12/1998 cho bà Hồ Thị D, trong đó có thửa số 514, thuộc tờ bản đồ số 2, có diện tích 1.864m², nay là thửa số 385, tờ bản đồ số 12, có diện tích 1.942,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 364879 ngày 12/8/2015 (được đo đạc thực tế là 1.693m²).

[3.4] Tại mục 2 Công văn số 167/UBND-NC ngày 22/01/2019, UBND huyện Hàm Thuận Bắc cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 745228 ngày 31/12/1998 đứng tên bà Hồ Thị D, trong đó có thửa số 514, thuộc tờ bản đồ số 2, có diện tích 1.864m², nay là thửa số 385, tờ bản đồ số 12, có diện tích 1.942,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 364879 ngày 12/8/2015 (được đo đạc thực tế là 1.693m²) là cấp cho hộ bà D là không có căn cứ. Vì thửa đất này các bên đương sự đều thừa nhận là do cha mẹ bà Hồ Thị D để lại và bà D đã sử dụng ổn định, liên tục từ trước năm 1975 đến nay, nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp này là công nhận quyền sử dụng đất chứ không phải nhà nước giao đất hoặc cấp đất theo diện bình quân nhân khẩu, việc cấp đất này không phụ thuộc vào số nhân khẩu có trong hộ của bà Hồ Thị D.

[3.5] Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận ý kiến của bà Hồ Thị N cho rằng thửa đất này cấp cho hộ gia đình gồm bà N và ông Huỳnh Ngọc Y; Đồng thời xác

định cá nhân bà D là người được quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất này và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy, bà Hồ Thị N kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới, trong khi lý do kháng cáo bà N trình bày là không có cơ sở như nhận định trên, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị N, như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Hồ Thị N phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng bà N là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – bà Hồ Thị N; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc quyết định đối với thửa đất số 385, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 364879 ngày 12/8/2015 (được đo đạc thực tế là 1.693m²).

- *Áp dụng:* khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 5, Điều 95, Điều 99, Điều 100, Điều 166, khoản 1 Điều 179 và khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai;

- *Tuyên xử:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị D – Do bà Hồ Thị T đại diện theo ủy quyền.

Xác định thửa đất số 385, diện tích đo đạc hiện trạng 1.693m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 364879 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 12/8/2015 là của cá nhân bà Hồ Thị D.

Buộc bà Hồ Thị N, ông Huỳnh Ngọc Y phải có nghĩa vụ tháo dỡ 140 trụ xi măng dùng để trồng thanh long, giao trả cho bà Hồ Thị D 928m² đất thuộc thửa đất số 385 được đo đạc theo hiện trạng là 1.693m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 364879 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 12/8/2015 đứng tên hộ bà Hồ Thị D.

Vị trí khu đất có tứ cận: Đông giáp đất ông Trương Văn Thắng; Tây giáp đất bà Hồ Thị D; Nam giáp đất bà Hồ Thị N; Bắc giáp Nhà thờ nước trời.

(Có trích lục bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 28/6/2018 kèm theo).

Bà Hồ Thị D được quyền đăng ký biến động, điều chỉnh sang tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị N được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi thành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND huyện H.T.Bắc;
- VKSND huyện H.T.Bắc;
- Chi cục THADS huyện H.T.Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái